

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE
SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGUYỄN TẤT THÀNH

BÁO CÁO TÓM TẮT ĐỀ TÀI

TÊN ĐỀ TÀI:

**NGHIÊN CỨU XÂY DỰNG MÔ HÌNH
NÔNG DÂN LÀM DU LỊCH**

Mã số: Hợp đồng số 1102/HĐ-SKHHCN

Chủ nhiệm đề tài: TS. Phan Thị Ngân

Bến Tre, Tháng 03 năm 2023

BÁO CÁO TÓM TẮT ĐỀ TÀI CẤP TỈNH

TÊN ĐỀ TÀI: “NGHIÊN CỨU XÂY DỰNG
MÔ HÌNH NÔNG DÂN LÀM DU LỊCH”

Mã số: Hợp đồng số 1102/HĐ-SKHCN

Chủ nhiệm đề tài

Cơ quan chủ trì

TS. Phan Thị Ngân

SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Bến Tre, Tháng 03 năm 2023

Thông tin chung

Tên nhiệm vụ: “Nghiên cứu xây dựng mô hình nông dân làm du lịch

Cấp quản lý nhiệm vụ: Cấp Tỉnh

Tổ chức chủ trì nhiệm vụ: Trường Đại học Nguyễn Tất Thành

Địa chỉ: 300A Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, Tp.HCM

Cơ quan cấp trên trực tiếp của tổ chức chủ trì: Bộ Giáo dục và Đào tạo

Địa chỉ: 35 Phố Đại Cồ Việt, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

Chủ nhiệm nhiệm vụ: TS Phan Thị Ngân

Thời gian thực hiện: 30 tháng (từ tháng 09 năm 2020 đến tháng 04 năm 2023)

Tổng kinh phí: **947,739,000** , trong đó kinh phí từ ngân sách **947,739,000** khác: 0

Danh sách cá nhân tham gia nhiệm vụ:

TT	Học vị	Họ và tên	Tổ chức công tác
1	Tiến sĩ	TS. Phan Thị Ngân	Trường ĐH Nguyễn Tất Thành
2	Thạc sĩ	ThS. Nguyễn Thị Kim Thoa	Trường ĐH Nguyễn Tất Thành
3	Tiến sĩ	TS. Nguyễn Phước Hiền	Trường ĐH Nguyễn Tất Thành
4	Thạc sĩ	ThS. Trương Phúc Hải	Trường ĐH Nguyễn Tất Thành
5	Thạc sĩ	ThS. Lê Thị Duyên Hà	Trường ĐH Nguyễn Tất Thành
6	Thạc sĩ	ThS. Dương Thanh Tùng	Trường ĐH Nguyễn Tất Thành
7	Thạc sĩ	Lê Thị Thanh Huệ	Phòng Văn hoá Thông tin Tỉnh Bến Tre
8	Cử nhân	Chị Trần Thị Thu Tuyền	Phòng Văn hoá Thông tin Huyện Mỏ Cày Nam
9		Ông Nguyễn Thanh Tuấn	Phòng Văn hoá Thông tin Huyện Châu Thành
10	Cử nhân	Ông Nguyễn Văn Tường	Phòng Văn hoá Thông tin Huyện Thạnh Phú
11	Thạc sĩ	ThS. Nguyễn Hoàng Long	Trường ĐH Nguyễn Tất Thành

12	Giáo sư	TS Ngô Văn Lệ	Trường ĐH Nguyễn Tất Thành
13	Thạc sĩ	ThS. Đào Quý Lương	Trường ĐH Nguyễn Tất Thành
14	Tiến sĩ	TS Nguyễn Thị Thanh Nga	Trường ĐH Nguyễn Tất Thành
15	Tiến sĩ	TS Nguyễn Đường Giang	Trường ĐH Nguyễn Tất Thành
16	Cử nhân	CN. Huỳnh Thị Kiều Linh	Trường ĐH Nguyễn Tất Thành

LỜI CẢM ƠN

Đầu tiên, nhóm nghiên cứu xin gửi lời cảm ơn chân thành và sâu sắc đến Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Bến Tre đã hỗ trợ cấp kinh phí và tạo điều kiện thuận lợi cho nhóm nghiên cứu thực hiện đề tài “Nghiên cứu xây dựng mô hình nông dân làm du lịch” theo hợp đồng số Hợp đồng 1102/HĐ-SKH-CN ngày 27/8/2020

Nhóm nghiên cứu xin gửi lời cảm ơn đến các đơn vị phối hợp thực hiện đề tài nghiên cứu xây dựng mô hình nông dân làm du lịch như Ủy ban nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, Ủy ban Nhân dân huyện Châu Thành, Ủy ban nhân dân huyện Thạnh Phú, Khoa du lịch và Việt Nam học, Phòng Khoa học công nghệ Trường ĐH Nguyễn Tất Thành, hộ nông dân Lê Thị Chồi, Võ Thanh Dung, Võ Văn Xong.

Và đặc biệt, nhóm nghiên cứu xin cảm ơn sự hỗ trợ tích cực của các thành viên nghiên cứu, học viên cao học, sự tham gia đóng góp ý kiến của các nhà khoa học trong lĩnh vực du lịch.

NHÓM TÁC GIẢ

MỤC LỤC

I. PHẦN I. PHẦN MỞ ĐẦU	4
1. Sự cần thiết của đề tài	9
2. Căn cứ lập đề tài	12
3. Đối tượng, phạm vi nghiên cứu của đề tài.....	13
4. Mục tiêu, nhiệm vụ của đề tài.....	14
5. Phương pháp nghiên cứu	15
5.1. Cơ sở lý thuyết cho việc nghiên cứu vấn đề	15
5.2. Phương pháp luận và các phương pháp cụ thể.....	15
6. Bố cục.....	19
II. PHẦN NỘI DUNG.....	Error! Bookmark not defined.
CHƯƠNG 1. NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ DU LỊCH NÔNG NGHIỆP	
1.1.Khái quát chung về du lịch nông nghiệp	Error! Bookmark not defined.
1.2. Tổng quan tình hình nghiên cứu du lịch nông nghiệp	Error! Bookmark not defined.
1.2.1. Ở ngoài nước.....	Error! Bookmark not defined.
1.2.1. Ở trong nước	Error! Bookmark not defined.
1.3.Quy trình phát triển du lịch nông nghiệp cho hộ nông dân	Error! Bookmark not defined.
1.3.1. Chu kỳ phát triển du lịch nông nghiệp	Error! Bookmark not defined.
1.3.2. Quy trình và phương pháp phát triển du lịch nông nghiệp.....	Error! Bookmark not defined.
1.3.3. Xây dựng phương án kinh doanh	Error! Bookmark not defined.
1.3.4. Thiết kế sản phẩm và dịch vụ du lịch	Error! Bookmark not defined.
1.3.5. Hoàn thiện khả năng tiếp nhận du khách tại điểm du lịch.....	Error! Bookmark not defined.

CHƯƠNG 2. TIỀM NĂNG VÀ ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN DU LỊCH NÔNG NGHIỆP Ở TỈNH BẾN TRE..... Error! Bookmark not defined.

2.1.Tiềm năng du lịch nông nghiệp ở ba huyện Châu Thành, Mỹ Cày Nam và Thạnh Phú Error! Bookmark not defined.

2.2.Du lịch nông nghiệp – hướng phát triển bền vững vùng nông thôn ở Bến Tre Error! Bookmark not defined.

2.3.Phân tích ma trận SWOT về việc phát triển du lịch nông nghiệp tại tỉnh Bến Tre Error! Bookmark not defined.

2.3.1. Phân tích cơ hội và thách thức của việc phát triển du lịch nông nghiệp tại Bến Tre **Error! Bookmark not defined.**

2.3.2. Phân tích điểm mạnh và điểm yếu của loại hình du lịch nông nghiệp tại Bến Tre **Error! Bookmark not defined.**

2.3.3. Phân tích chiến lược và cơ hội tiềm năng phát triển du lịch nông nghiệp thông qua ma trận SWOT..... **Error! Bookmark not defined.**

CHƯƠNG 3. XÂY DỰNG MÔ HÌNH NÔNG DÂN LÀM DU LỊCH.... Error! Bookmark not defined.

3.1.Mô hình quản lý du lịch nông nghiệp cộng đồngError! Bookmark not defined.

3.2.Xây dựng mô hình và thiết kế sản phẩm du lịch nông nghiệp ở ba huyện Mỹ Cày Nam, Thạnh Phú và Châu Thành..... Error! Bookmark not defined.

*3.2.1. Huyện Mỹ Cày Nam: MOCAY Farmstay.....***Error! Bookmark not defined.**

*3.2.2. Huyện Thạnh Phú: Đồng Xanh – Khu du lịch 9 sông***Error! Bookmark not defined.**

3.2.3. Huyện Châu Thành: Vườn Dâu **Error! Bookmark not defined.**

3.3.Xây dựng tour, tuyến du lịch Error! Bookmark not defined.

CHƯƠNG 4. GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN MÔ HÌNH NÔNG DÂN LÀM DU LỊCH TẠI TỈNH BẾN TRE Error! Bookmark not defined.

4.1.Xây dựng cơ chế, chính sách hỗ trợ cho đầu tư phát triển du lịch nông nghiệp..... Error! Bookmark not defined.

4.2.Xây dựng cơ sở hạ tầng phục vụ phát triển du lịch nông nghiệp..... Error! Bookmark not defined.

4.3.Xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ du lịchError! Bookmark not defined.

4.4.Tăng cường công tác phối hợp liên ngành, quản lý điểm đến du lịch nông nghiệp..... Error! Bookmark not defined.

4.5.Nâng cao chất lượng sản phẩm du lịch nông nghiệp gắn với sinh kế của nông dân Error! Bookmark not defined.

4.6.Nâng cao hiệu quả xúc tiến quảng bá, kết nối điểm đến du lịch Error! Bookmark not defined.

4.7.Bảo vệ tài nguyên và môi trường du lịch..... Error! Bookmark not defined.

4.8.Bảo tồn, khôi phục, phát triển các làng nghề truyền thốngError! Bookmark not defined.

4.9.Công tác nhân sự Error! Bookmark not defined.

PHẦN III. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ..... Error! Bookmark not defined.

1. Kết luận.....21

2. Một vài kiến nghị23

TÀI LIỆU THAM KHẢO..... Error! Bookmark not defined.

PHỤ LỤC Error! Bookmark not defined.

1. Phụ lục bảng hỏi..... Error! Bookmark not defined.

2. Phụ lục: kết quả xử lý số liệu điều tra định lượngError! Bookmark not defined.

3. **Phụ lục hình ảnh**Error! Bookmark not defined.
4. **Phụ lục chương trình du lịch**Error! Bookmark not defined.

I. PHẦN MỞ ĐẦU

1. Sự cần thiết của đề tài

Trong những năm gần đây, du lịch chiếm vị trí quan trọng trong nền kinh tế đất nước. Đảng và Nhà nước đã đặt ra nhiều mục tiêu, giải pháp tập trung cho phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn (Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 16/01/2017 của Bộ Chính trị về phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn, Nghị quyết số 103/NQ-CP của Chính phủ ngày 10/7/2017 ban hành Chương trình Hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết 08-NQ/TW của Bộ Chính trị về phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn). Thực hiện chỉ đạo của Chính phủ, ngành du lịch cần triển khai nhiều nhiệm vụ, trong đó tập trung mở rộng không gian khai thác du lịch, phát triển hệ thống sản phẩm chất lượng cao, khác biệt, có khả năng cạnh tranh cao, hấp dẫn khách du lịch. Đồng thời phải đảm bảo phát huy vai trò của cộng đồng trong phát triển du lịch; sử dụng hợp lý và hiệu quả tài nguyên du lịch theo hướng bền vững; gìn giữ và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc, vùng miền... Trong thời gian qua, du lịch Bến Tre có bước phát triển rõ rệt, đạt được những kết quả quan trọng. Sản phẩm du lịch, chất lượng dịch vụ, tính chuyên nghiệp từng bước được cải thiện. Bước đầu tạo dựng được thương hiệu du lịch sinh thái, sông nước xứ Dừa Bến Tre. Trong đó, khu vực nông thôn Bến Tre sở hữu nguồn tài nguyên tự nhiên và văn hóa phong phú, gắn với bản sắc văn hóa và tập quán canh tác lâu đời ở Bến Tre và là yếu tố đầu vào quan trọng hình thành nên điểm đến và sản phẩm du lịch phục vụ du khách. Trong thời gian qua, hoạt động du lịch tại khu vực nông nghiệp đã được khai thác tại địa phương, trong đó đã hình thành các sản phẩm du lịch nông nghiệp ngày càng phong phú. Nhu cầu và xu hướng khách du lịch nội địa cũng như quốc tế đến các vùng nông thôn, nông nghiệp ngày càng gia tăng. Tuy nhiên, du lịch nông nghiệp chủ yếu mang tính tự phát, manh mún, nhỏ lẻ, chất lượng dịch vụ hạn chế, thiếu tính chuyên nghiệp.

Liên kết ngành giữa du lịch, ngành nông nghiệp và khu vực nông thôn để tạo thành chuỗi giá trị sản phẩm chưa thực sự hiệu quả, chưa phát huy được lợi thế của một tỉnh nông nghiệp.

Bến Tre là tỉnh nông nghiệp với hơn 70% dân số sống ở nông thôn, thế mạnh là kinh tế vườn và kinh tế biển, diện tích đất nông nghiệp chiếm 75,99%. Tỷ trọng khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm 32,3% vào năm 2019 (công nghiệp: 18,83%; dịch vụ; 45,82%; thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm chiếm 3,05%). Điều này cho thấy, nông nghiệp và dịch vụ là những khu vực kinh tế vô cùng quan trọng của Bến Tre. Khu vực nông thôn chiếm vị trí quan trọng trong việc phát triển kinh tế xã hội của đất nước. Xây dựng nông thôn mới đáp ứng 19 tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020 là một trong những chương trình mục tiêu quốc gia được ưu tiên triển khai. Trong bối cảnh hiện nay, sản xuất nông nghiệp phải cơ cấu lại, diện tích đất nông nghiệp bị thu hẹp, hoạt động sản xuất nông nghiệp khó đạt được giá trị gia tăng cao, khu vực nông thôn phải đối mặt với những vấn đề về phát triển bền vững. Biến đổi khí hậu, hạn hán, ngập mặn kéo dài đã ảnh hưởng trực tiếp nặng nề đến cuộc sống người dân đặc biệt là ngành nông nghiệp. Từ thực tiễn đó, phát triển du lịch nông nghiệp là một trong những giải pháp đem lại lợi ích kép thúc đẩy xây dựng nông thôn mới, hình thành cơ sở kinh tế dịch vụ tại khu vực nông thôn, đem lại sinh kế cho người nông dân, góp phần bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống, cảnh quan môi trường sinh thái và hỗ trợ ngược lại cho sự phát triển đa dạng, bền vững của điểm đến du lịch. Phát triển du lịch nông nghiệp đồng thời đem lại thu nhập, cảnh quan, phát triển kinh tế du lịch, bảo tồn để tăng sinh kế cho người dân, đem lại các giá trị tinh thần, vật chất, gắn kết cộng đồng. Phát triển du lịch nông nghiệp sẽ đảm bảo được mục tiêu chính trị quan trọng trong phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn.

Tuy nhiên, du lịch nói chung và du lịch nông nghiệp Bến Tre nói riêng phát triển chưa tương xứng với tiềm năng, thế mạnh và kỳ vọng của xã hội; sản phẩm du lịch chưa thật hấp dẫn, khác biệt và khả năng cạnh tranh chưa cao. Hiệu lực và hiệu quả quản lý nhà nước còn bất cập; nguồn nhân lực vừa thiếu, vừa yếu; cơ sở hạ tầng còn nhiều hạn chế. Công tác truyền thông quảng bá thiếu tính chuyên nghiệp, hiệu quả chưa cao. Doanh nghiệp du lịch hiện có chưa đủ mạnh làm đầu tàu lôi kéo. Vai trò của cộng đồng trong phát triển du lịch chưa được phát huy. Chính bởi nông dân vẫn đứng bên ngoài các hoạt động này nên chính quyền và các cơ quan quản lý du lịch không thể kiểm soát được những hành vi gây hại cho du lịch của họ như chèo kéo, bắt chẹt khách, cung cấp sản phẩm kém chất lượng. Ngoài ra, việc khai thác du lịch một cách thiếu trách nhiệm cũng tiềm ẩn những nguy cơ gây ảnh hưởng tiêu cực đến đời sống xã hội và môi trường địa phương.

Với thực trạng trên, thực sự cần có sự quy hoạch tổng thể du lịch nông nghiệp địa phương theo hướng phát triển bền vững; hướng dẫn chi tiết người dân làm du lịch; hỗ trợ chính quyền địa phương có công cụ quản lý điểm du lịch hiệu quả. Thực hiện tổng thể và chi tiết du lịch nông nghiệp tại địa phương, đây sẽ thực sự là động lực quan trọng và vô cùng ý nghĩa, góp tạo sinh kế, việc làm, tăng thu nhập cho cư dân nông thôn thông qua phát triển dịch vụ du lịch; hỗ trợ cho người dân khởi nghiệp du lịch, hình thành các sản phẩm du lịch đặc trưng, áp dụng các công nghệ mới, nâng cao chất lượng cuộc sống của cư dân nông thôn. Đồng thời thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn theo hướng cung cấp dịch vụ; tăng tỷ trọng đóng góp của dịch vụ du lịch vào GDP của khu vực nông thôn, trước những diễn biến ngày càng khốc liệt của biến đổi khí hậu, hạn hán, xâm ngập mặn, giá cả nông sản không ổn định. Nên ngày 19/08/2020 Ủy ban Nhân dân tỉnh Bến Tre đã ra quyết định số 2019/QĐ-UBND về việc cho phép triển khai thực hiện đề tài

nghiên cứu khoa học và công nghệ cấp tỉnh “Nghiên cứu xây dựng mô hình nông dân làm du lịch” cho Trường Đại học Nguyễn Tất Thành.

2. Căn cứ lập đề tài

Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 05 tháng 8 năm 2008 của Ban chấp hành Trung ương khóa X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn;

Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 17 tháng 01 năm 2017 của Bộ Chính trị về phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn;

Luật Du lịch số 09/2017/QH14 ngày 19 tháng 6 năm 2017;

Nghị quyết số 103/NQ-CP ngày 06/10/2017 của Chính phủ ban hành Chương trình Hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết 08-NQ/TW của Bộ Chính trị về phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn;

Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 16 tháng 8 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng Nông thôn mới giai đoạn 2016-2020;

Quyết định số 490/QĐ-TTg ngày 07/5/2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mỗi xã một sản phẩm giai đoạn 2018-2020;

Công văn số 19/TB-VPCP ngày 11/01/2019 thông báo kết luận của Phó Thủ tướng Chính phủ Vương Đình Huệ tại Hội thảo toàn quốc “Phát triển du lịch nông thôn gắn với xây dựng nông thôn mới”;

Chương trình hành động số 22-Ctr/TU ngày 20/07/2017 của Tỉnh ủy Bến Tre về thực hiện Nghị quyết số 08 – NQ/TU ngày 16/01/2017 của Bộ Chính trị về phát triển du lịch Việt Nam trở thành ngành kinh tế mũi nhọn;

Kế hoạch số 4573/KH-UBND ngày 09/10/2017 của UBND tỉnh Bến Tre về việc thực hiện Chương trình hành động số 22-Ctr/TU ngày 20/7/2017 của Tỉnh ủy Bến Tre thực hiện Nghị quyết số 07-NQ/TU ngày 16/01/2017 của Bộ Chính trị;

Nghị quyết số 19/2019/NQHĐND ngày 03/07/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bến Tre về việc qui định một số chính sách hỗ trợ kinh phí khuyến khích phát triển du lịch cộng đồng trên địa bàn tỉnh;

Dự thảo Chiến lược phát triển kinh tế xã hội đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2045 của tỉnh Bến Tre;

Đặc biệt, sau ký kết hợp tác toàn diện giữa UBND tỉnh Bến Tre và Trường Đại học Nguyễn Tất Thành năm 2016, ngày 17/11/2019 Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Bến Tre và Trường Đại học Nguyễn Tất Thành ký kết Thỏa thuận hợp tác về phối hợp thực hiện hoạt động đào tạo và nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực Văn hóa - Du lịch. Thực hiện chủ trương trên, nhóm nghiên cứu đã tiến hành các cuộc khảo sát địa bàn nghiên cứu và phối hợp với Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Bến Tre; UBND huyện Châu Thành; Hội Nông dân huyện Châu Thành; UBND huyện Mỏ Cày Nam; Công ty TNHH MTV TTDL C2T; Công ty TNHH Âm thực Sinh Thái Quê Dừa thực hiện đề tài du lịch nông thôn;

Quyết định số: 2019 /QĐ-UBND ngày 19 tháng 8 năm 2020 Về việc cho phép triển khai thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học và công nghệ cấp tỉnh “Nghiên cứu xây dựng mô hình nông dân làm du lịch”.

3. Đối tượng, phạm vi nghiên cứu của đề tài

Đối tượng nghiên cứu đề tài là mô hình du lịch nông nghiệp.

Phạm vi nghiên cứu của đề tài là các địa phương trên địa bàn tỉnh Bến Tre. Trong đó đề tài tiến hành khảo sát các huyện như huyện Mỏ Cày Nam, huyện Mỏ Cày Bắc, huyện Châu Thành, huyện Thạnh Phú, huyện Chợ Lách. Tuy nhiên, huyện Mỏ Cày Nam, huyện Châu Thành và huyện Thạnh Phú của tỉnh Bến Tre là ba điểm khảo sát chính.

4. Mục tiêu, nhiệm vụ của đề tài

Mục tiêu tổng quát của đề tài là nghiên cứu làm rõ một số khía cạnh tiềm năng và thực trạng phát triển du lịch nông nghiệp Bến Tre. Qua đó đưa ra những mô hình du lịch nông nghiệp phù hợp với tiềm năng của tỉnh cũng như những giải pháp giúp cho du lịch nông nghiệp nói riêng và du lịch Bến Tre nói chung đạt kết quả cao nhất. Trên cơ sở mục tiêu tổng quát, các mục tiêu, nhiệm vụ nghiên cứu cụ thể mà đề tài hướng đến là:

Xây dựng 03 mô hình du lịch nông nghiệp ở huyện Châu Thành, huyện Mỏ Cày Nam, huyện Thạnh Phú bao gồm các hoạt động du lịch mang tính trải nghiệm sản xuất, chế biến, thưởng thức nông sản, đồng thời diễn ra hoạt động giao thương nông sản để xây dựng chuỗi giá trị các sản phẩm chủ lực của tỉnh, góp phần tăng thu nhập cho người nông dân.

- Chuyển tải các thông tin về du lịch nông nghiệp trên một số tạp chí du lịch, trang website, facebook, fanpage...;

- Xây dựng được sổ tay hướng dẫn nông dân làm du lịch và tập huấn hướng dẫn nông dân làm du lịch;

- Đăng 02 bài trên tạp chí khoa học và công nghệ;

- Xây dựng phóng sự về du lịch nông thôn Bến Tre;

- Đăng tải 02 bài trên chuyên trang du lịch của các báo/đài;

- Đào tạo 02 thạc sĩ chuyên ngành du lịch.

Kết quả nghiên cứu của đề tài sẽ góp phần hoàn thiện cơ sở lý luận và thực tiễn về du lịch nông nghiệp và phát triển du lịch nông nghiệp ở tỉnh Bến Tre. Làm cơ sở xây dựng các mô hình nông dân làm du lịch trong quá trình hình thành và phát triển du lịch nông nghiệp tại tỉnh Bến Tre. Ngoài ra, đề tài đưa ra các giải pháp dựa trên cơ sở nghiên cứu một cách khoa học nhất để các ban ngành tham

khảo khi tiến hành thực hiện, phát triển du lịch nông nghiệp nói riêng và du lịch Bến Tre nói chung.

5. Phương pháp nghiên cứu

5.1. Cơ sở lý thuyết cho việc nghiên cứu vấn đề

- *Lý thuyết du lịch nông nghiệp*: Du lịch nông nghiệp là hoạt động du lịch chủ yếu dựa trên khai thác các yếu tố nền tảng là hoạt động sản xuất nông nghiệp, sản phẩm nông nghiệp để tạo những hoạt động, những trải nghiệm phục vụ khách du lịch. Các hoạt động cung ứng du lịch sử dụng yếu tố đầu vào liên quan đến hoạt động sản xuất nông nghiệp là tài nguyên cốt lõi tạo nên sự hấp dẫn hoặc trải nghiệm cho khách du lịch. Đây là vấn đề then chốt và cơ sở lý luận cho việc xây dựng mô hình du lịch nông nghiệp.

- *Cơ sở xây dựng điểm đến du lịch*: Những kiến thức cơ bản và thực tiễn cần thiết để xây dựng một điểm đến du lịch bao gồm: hoạt động du lịch; điều kiện phát triển du lịch; các lĩnh vực kinh doanh du lịch; việc hình thành nhu cầu, sản phẩm; các điều kiện cung cấp sản phẩm; cơ sở vật chất kỹ thuật du lịch; nguồn nhân lực du lịch; một số đặc điểm của hoạt động du lịch về thời vụ, chất lượng của dịch vụ du lịch và kết thúc, quản lý điểm đến, quản trị cơ sở lưu trú du lịch; quản trị dịch vụ ăn uống.

5.2. Phương pháp luận và các phương pháp cụ thể

Trong đề tài này, nhóm nghiên cứu đề tài sử dụng cách tiếp cận hệ thống thu thập thông tin và phân tích thông tin. Các phương pháp chủ yếu dùng để nghiên cứu là phương pháp qui nạp và phương pháp diễn dịch. Các phương pháp chuyên ngành được trình bày cụ thể như sau:

Phương pháp thu thập thông tin: Thực hiện mục tiêu nghiên cứu đề ra, nhóm nghiên cứu đề tài sử dụng một số phương pháp thu thập thông tin như sau:

Thu thập thông tin tư liệu có sẵn: Thu thập và nghiên cứu một số sách, tạp

chí, công trình nghiên cứu lý thuyết và thực chứng của các tổ chức quốc tế, các tác giả trên thế giới và Việt Nam liên quan tới chủ đề nghiên cứu của đề tài để làm sáng tỏ phần tổng quan cũng như kinh nghiệm của các nước về phát triển du lịch nông nghiệp.

Thu thập thông tin về tình hình kinh tế - xã hội – du lịch của tỉnh Bến Tre và các địa bàn khảo sát thông qua các báo cáo của các cấp chính quyền về số liệu thống kê do địa phương và các ban ngành cung cấp.

Thu thập thông tin định lượng: Đây là phương pháp thu thập thông tin chính của cuộc nghiên cứu. Để thu thập thông tin phù hợp với các đối tượng khác nhau, nhóm nghiên cứu đã xây dựng bảng hỏi dành cho đối tượng người nông dân, bảng hỏi dành cho doanh nghiệp và bảng hỏi dành cho khách du lịch. Đối với bảng hỏi dành cho người nông dân, phiếu này gồm có tổng cộng 51 câu hỏi. Trong đó, thông tin chung người trả lời bảng hỏi là 13 câu và thông tin về hoạt động du lịch là 38 câu. Đối với bảng hỏi dành cho doanh nghiệp, phiếu này gồm có tổng cộng là 33 câu. Trong đó, thông tin chung của công ty là 5 câu và thông tin về hoạt động du lịch của khách là 28 câu. Đối với bảng hỏi dành cho khách du lịch, phiếu này gồm có tổng cộng là 39 câu. Trong đó, thông tin chung của khách là 8 câu và thông tin hoạt động du lịch của khách là 31 câu.

Nội dung các câu hỏi về thông tin chung là để tìm hiểu đặc điểm từng cá nhân, doanh nghiệp tham gia trả lời bảng hỏi như họ tên, nghề nghiệp, giới tính, tuổi, trình độ học vấn đối với bảng hỏi du khách và người nông dân; tên công ty, lĩnh vực kinh doanh, website, địa điểm đối với công ty du lịch.

Toàn bộ những câu hỏi còn lại là thông tin hoạt động du lịch trong đó có một số câu hỏi sử dụng thước đo của bảng Likert để tìm hiểu đánh giá và nhận xét của người dân, doanh nghiệp và khách du lịch.

Trong bảng hỏi định lượng, nhóm nghiên cứu đề tài chủ yếu sử dụng câu hỏi

đóng, với các phương án trả lời được soạn thảo trước và một vài câu hỏi mở. Để thu thập thông tin về tần số và thái độ đánh giá và quan điểm, câu hỏi đóng được tuân thủ chặt chẽ. Ngoài những ý đã được đưa ra trước trong bảng hỏi còn có thêm mục loại khác để có thể thu nhận được toàn bộ ý kiến đa dạng của người dân, doanh nghiệp và khách du lịch. Một số câu hỏi được dành cho những vấn đề chưa lường trước được các khả năng có thể xảy ra (ví dụ: Những thuận lợi khi ông/bà tham gia làm du lịch? Những khó khăn khi ông/bà làm du lịch? Những kiến nghị để ông/bà phát triển làm du lịch?...).

Một số thang đo chính sử dụng trong bảng hỏi là: 1) Sử dụng phần lớn các câu hỏi để xem xét đến khả năng phát triển mô hình du lịch nông nghiệp; 2) Bảng hỏi được đưa ra dưới dạng tìm hiểu về tiềm năng du lịch nông nghiệp Bến Tre và kỳ vọng của các bên liên quan khi đến du lịch Bến Tre. Ngoài ra chúng tôi sử dụng một vài câu hỏi thang đo Likert: khách du lịch chọn lựa mức độ phù hợp với những vấn đề về đánh giá sự kỳ vọng của khách du lịch đến du lịch nông nghiệp Bến Tre; công ty lữ hành và người nông dân đánh giá tiềm năng để phát triển du lịch nông nghiệp, mức đánh giá từ “hoàn toàn đồng ý” cho đến “hoàn toàn không đồng ý”.

Phương pháp nghiên cứu định tính: Quá trình soạn thảo và thu thập thông tin định lượng, chúng tôi thấy có một số vấn đề không thể khai thác bằng câu hỏi định lượng để lý giải cho một số lĩnh vực của các gia đình, doanh nghiệp, khách du lịch trả lời. Do vậy một số phương pháp thu thập thông tin định tính đã được tiến hành ngay sau khi xử lý sơ bộ thông tin định lượng từ kết quả của cuộc phỏng vấn bằng câu hỏi đã nêu ở trên. Cụ thể là: (1) Quan sát đời sống và sinh hoạt của người dân và các hình thức hoạt động nghề nghiệp tại địa phương; (2) Tổ chức các cuộc phỏng vấn nhóm tập trung và phỏng vấn sâu một số cá nhân là người dân địa phương, doanh nghiệp về một số chủ đề liên quan: những thuận lợi và khó khăn khi tham gia làm du lịch và những kiến nghị để phát triển du lịch... hay những câu

hỏi mang tính kỳ vọng từ khách du lịch; (3) Phòng vấn tham khảo một số chuyên gia, cán bộ chính quyền địa phương về hoạt động quản lý du lịch, phát triển sản phẩm du lịch, liên kết giữa các ban ngành về hoạt động xây dựng sản phẩm và xúc tiến thương mại...

Số liệu điều tra: đề tài sẽ sử dụng số liệu từ các cuộc điều tra hiện có được tiến hành những năm gần đây liên quan đến chủ đề.

Số liệu và tư liệu từ điều tra khảo sát: để bổ sung cho số liệu và tài liệu thứ cấp hiện có còn thiếu hoặc còn hạn chế, đề tài cũng sẽ sử dụng các công cụ khảo sát khác (phỏng vấn sâu, thảo luận nhóm, bảng hỏi) để thu thập số liệu tại các địa bàn đại diện cho các loại hình du lịch trên địa bàn tỉnh.

Phương pháp xử lý thông tin

Các thông tin tư liệu được tổng thuật theo các chủ đề: cơ sở lý luận về du lịch nông nghiệp; cơ sở xây dựng điểm đến du lịch. Các số liệu thống kê về tình hình kinh tế, văn hóa, xã hội của tỉnh.

Chúng tôi sử dụng tài liệu tổng thuật, lược thuật trên cơ sở trình bày tổng quan tình hình nghiên cứu, xây dựng khung lý thuyết cho việc nghiên cứu và tìm hiểu bối cảnh, tiềm năng du lịch địa bàn nghiên cứu.

Các thông tin định tính được lọc ra theo các chủ đề dưới dạng trích dẫn báo cáo quan sát hoặc trích dẫn bản ghi băng phỏng vấn nhóm, phỏng vấn sâu. Trong khi phân tích, chúng tôi sử dụng các trích dẫn này kết hợp với số liệu thống kê định lượng.

Thông tin định lượng được xử lý bằng chương trình SPSS theo một số phương án sau: (1) Chỉ số thống kê chủ yếu là tần suất (tỷ lệ %); (2) Các phân tổ chính là các biến định tính theo đặc điểm. Ở phiếu khảo sát du khách được chia thành 07 nhóm tiêu chí: nhóm các yếu tố về tài nguyên thiên nhiên; nhóm liên quan các yếu tố về nông nghiệp công nghệ cao; nhóm các yếu tố về môi trường tự

nhiên và xã hội; nhóm các yếu tố về văn hóa - ẩm thực; nhóm các yếu tố về cơ sở hạ tầng; nhóm các yếu tố về dịch vụ du lịch và giá cả; và nhóm các yếu tố về hoạt động hướng dẫn, chăm sóc khách du lịch. Ở phiếu khảo sát nông dân được chia làm 08 nhân tố: các tài nguyên du lịch lưu trú và an ninh Bến Tre; các tài nguyên du lịch về sinh thái, văn hóa và con người Bến Tre; các tài nguyên về cơ sở hạ tầng Bến Tre; các tài nguyên du lịch nông nghiệp công nghệ cao Bến Tre; phong cảnh thiên nhiên và ẩm thực Bến Tre; đánh giá về phục vụ và giá cả du lịch; đánh giá về văn hóa và nghề truyền thống; và môi trường văn hóa xã hội của Bến Tre. Ở phiếu khảo sát công ty du lịch được chia thành 05 nhân tố: các tài nguyên du lịch có sẵn của nông dân Bến Tre; các tài nguyên du lịch về cơ sở hạ tầng và văn hóa địa phương; các tài nguyên du lịch thông qua học tập và liên kết tạo ra; các tài nguyên du lịch thông qua phát triển khoa học công nghệ, tiến bộ xã hội tạo ra; và tài nguyên du lịch về cơ sở lưu trú. (3) Các tỷ lệ % theo phân tổ giúp chúng tôi so sánh, phân loại các ý kiến, từ đó tìm ra xu hướng.

Chúng tôi sử dụng toàn bộ các thông tin thu thập được từ những câu hỏi, phương án xử lý có liên quan và phục vụ cho việc giải quyết mục tiêu của đề tài “Nghiên cứu xây dựng mô hình nông dân làm du lịch”.

6. Bố cục

Ngoài phần mở đầu, kết luận và kiến nghị, tài liệu tham khảo, phụ lục, phần nội dung chính của báo cáo tổng hợp kết quả nghiên cứu của đề tài gồm 3 chương: Chương 1. Những vấn đề lý luận về du lịch nông nghiệp; Chương 2. Tiềm năng và định hướng phát triển du lịch nông nghiệp ở tỉnh Bến Tre; Chương 3. Xây dựng mô hình nông dân làm du lịch; Chương 4. Giải pháp phát triển mô hình nông dân làm du lịch tại tỉnh Bến Tre.

7. Kết quả so với đề cương thuyết minh

TT	Tên sản phẩm	Đơn vị	Đăng ký	Kết quả	Đánh giá
A.	Dạng I				
B.	Dạng II				
1	03 mô hình du lịch nông nghiệp ở huyện Mỏ Cày Nam, huyện Châu Thành và huyện Thạnh Phú	mô hình	03	03	Đạt
2	Xây dựng đa dạng sản phẩm du lịch: sinh thái sông nước miệt vườn, tham quan nghiên cứu văn hoá lịch sử, tâm linh, du lịch cộng đồng mô hình khách ở trong nhà dân (homestay) gắn với du lịch tham quan làng nghề; tạo sức “hấp dẫn, độc đáo, đặc sắc riêng có của du lịch Bến Tre.	sản phẩm	01	01	Đạt
3	Kết nối các chủ trang trại, nông dân, tổ hợp tác, hợp tác xã và doanh nghiệp nâng cao tính liên kết, liên tục cải tiến sản phẩm, đầu tư công nghệ mới.		01	01	Đạt
4	Hồ sơ hướng dẫn làm du lịch nông thôn	cẩm nang	01	01	Đạt
5	Xây dựng các kênh truyền thông du lịch nông nghiệp tại tỉnh Bến Tre.		01	01	Đạt
C	Dạng III				Đạt
1	Bài báo hoặc các báo cáo khoa học	bài	02	05	xuất sắc
2	Phóng sự giới thiệu về du lịch nông thôn tại Bến Tre	phóng sự	01	01	Đạt
3	Thạc sĩ	người	02	03	xuất sắc

1. Kết luận

Du lịch nông nghiệp được xây dựng dựa trên nền tảng khung cảnh địa tự nhiên và hoạt động sản xuất nông nghiệp. Hai yếu tố này được kết hợp thành một trải nghiệm du lịch với mục tiêu giải trí hoặc giáo dục cho du khách. Tại các mô hình du lịch nông nghiệp của MOCAY Farmstay (Mỏ Cày Nam), Đồng Xanh – Khu du lịch 9 sông (Thanh Phú) và Vườn Dâu (Châu Thành), rất nhiều hoạt động sẽ diễn ra để thúc đẩy sự giao tiếp qua lại giữa người nông dân và du khách. Du khách sẽ có cơ hội trải nghiệm một loạt sản phẩm và dịch vụ nông nghiệp khác nhau. Đánh giá tổng quan kết quả xây dựng mô hình nông dân làm du lịch ở 3 huyện Mỏ Cày Nam, Thanh Phú và Châu Thành:

MOCAY Farmstay: là mô hình nhận được sự đồng hành của nhóm đề tài từ khởi đầu đến khi thành hình. Từ một khu vườn dừa hữu cơ của gia đình, nhóm đề tài đã đi cùng với hộ nông dân xuyên suốt quy trình phát triển du lịch nông nghiệp. Sau khoảng thời gian thăm dò, khảo sát, nhóm đề tài cùng với hộ nông dân đã lên phương án xây dựng chiến lược tổng thể và triển khai xây dựng mô hình du lịch nông nghiệp. Từng bước từng bước, nhóm đề tài góp ý xây dựng ý tưởng và thiết kế sản phẩm du lịch nông nghiệp dựa trên tài nguyên tự nhiên và văn hóa ở MOCAY Farmstay. Khi mô hình MOCAY Farmstay đã hoàn thiện cơ sở hạ tầng của 5 khu vườn (đặc biệt là vườn tự do với 4 căn phòng lưu trú), nhóm đề tài bắt đầu hỗ trợ tập huấn đào tạo kỹ năng cho hộ nông dân ở MOCAY Farmstay. Khi mô hình đã có logo định vị thương hiệu, nhóm đề tài giúp quảng bá mô hình du lịch trên các phương tiện truyền thông như fanpage, báo đài, website... Hiện ban quản lý hộ nông dân MOCAY Farmstay đã nắm vững định hướng phát triển của mô hình du lịch nông nghiệp trong tương lai gần và xa. Mô hình đã được đưa vào vận hành và thu hút du khách. Với lượng khách ổn định vào dịp cuối tuần, sắp tới, ban quản lý MOCAY Farmstay đang lên kế hoạch mở rộng thêm 3 – 5 phòng lưu trú.

Mô hình ở Đồng Xanh – Khu du lịch 9 sông: Đồng Xanh là dự án mới mạnh mẽ thuộc khu du lịch 9 sông. Sau khi đã khảo sát hiện trạng, xác lập mô hình kinh doanh, nhóm đề tài đã cùng với hộ dân định hướng xây dựng, lên phương án quy hoạch tổng thể mô hình du lịch nông nghiệp, vạch ra những dịch vụ trải nghiệm nơi cánh đồng kết hợp tận dụng nguồn lực cơ sở vật chất sẵn có bên khu du lịch 9 sông. Khu du lịch 9 sông là mô hình du lịch sinh thái sẵn có, được đưa vào vận hành thì bùng phát dịch COVID-19 làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến hoạt động kinh doanh du lịch tại đây. Đó cũng là lý do nhiều công ty du lịch nhất là các công ty lữ hành ở Thành phố Hồ Chí Minh chưa biết đến điểm đến tiềm năng này. Để triển khai các giải pháp khôi phục hoạt động du lịch, nhóm đề tài đưa ra những góp ý cải tạo khuôn viên khu du lịch 9 sông nhằm gia tăng giá trị, hoàn thiện các yếu tố đặc trưng gắn với sinh thái tự nhiên của khu du lịch. Tất cả các thành viên ở mô hình đã được nhóm đề tài tập huấn những kỹ năng và nghiệp vụ: lễ tân, buồng phòng, hướng dẫn... Về phía Đồng Xanh, hiện cánh đồng đã thu hoạch vụ mùa đầu tiên, nhóm đề tài đã hỗ trợ hộ dân trong việc bao tiêu toàn bộ lúa thu hoạch. Lối đi vào cánh đồng đã dần thành hình với hai hàng cau. Việc đan xen cây trồng theo mùa sẽ được triển khai tiếp tục theo mô hình du lịch nông nghiệp. Các chương trình trải nghiệm tại cánh đồng hiện đã được đưa vào chương trình du lịch tại khu du lịch 9 sông. Khu du lịch 9 sông cũng đã bắt đầu thu hút du khách với nhiều hoạt động trải nghiệm đi kèm được đầu tư như chèo sup, thuyền kayak, cano...

Mô hình Vườn Dâu: Vườn Dâu vốn dĩ trước đây là một nhà hàng nhưng bị ảnh hưởng bởi đại dịch COVID-19 dẫn đến tình hình kinh doanh giảm sút mạnh. Hệ thống phòng lưu trú, nhà hàng sau khoảng thời gian dài vắng khách đã xuống cấp. Nhóm đề tài đã động viên, hỗ trợ hộ dân trong việc cải tạo lại khuôn viên điểm đến, phòng ốc, bếp, định hướng những hoạt động du lịch nông nghiệp kèm theo. Sau một thời gian khôi phục, toàn bộ khuôn viên đã có những tiểu cảnh vườn hoa

cho khách check-in chụp ảnh; nhà hàng có thêm quầy bar; cơ sở dịch vụ phòng lưu trú đã được cải thiện; nhân viên được tập huấn những kỹ năng nhà hàng, buồng phòng... Hiện nay lượng khách inbound đã trở lại và du khách hài lòng với quang cảnh mới của Vườn Dâu.

Bên cạnh đó, nhóm đề tài đã tổ chức tour famtrip giới thiệu và kết nối 3 mô hình với các công ty du lịch lữ hành để các công ty du lịch sẽ đồng hành cùng với các mô hình trong thời gian sau này. Nhóm đề tài cũng đã tạo clip quảng bá du lịch cho mô hình hộ nông dân cũng như chạy các bài viết truyền thông giới thiệu điểm đến thông qua các báo/đài.

2. Một vài kiến nghị

Trong khuôn khổ giới hạn về thời gian và kinh phí của đề tài, nhóm nghiên cứu chỉ dừng lại xây dựng ở mỗi huyện một mô hình thí điểm, điều này làm cho mô hình giảm thiểu tính kết nối các điểm đến để có thể hình thành nên chuỗi giá trị du lịch nông nghiệp cộng đồng ở vùng nông thôn. Để có thể áp dụng mô hình du lịch nông nghiệp cộng đồng như nhóm đề tài đã đưa ra ở phần 3.1, cần nhân rộng mô hình du lịch nông nghiệp ở nhiều hộ nông dân trong cùng một làng xã của huyện. Việc thiết yếu cần làm là sớm thành lập ban quản lý du lịch ở mỗi huyện sau khi nhóm đề tài kết thúc để có thể tiếp tục dự án xây dựng mô hình nông dân làm du lịch. Cũng như nhóm đề tài, ban quản lý du lịch tiếp bước quy trình phát triển mô hình du lịch nông nghiệp cho hộ nông dân, chọn lựa và xây dựng mỗi hộ nông dân với những sản phẩm du lịch đặc thù riêng biệt, tránh trùng lặp để tăng sức hút du khách đến địa phương.

Trở ngại về nguồn vốn, hộ nông dân gặp khó trong vấn đề mở rộng đầu tư mô hình. Chính quyền địa phương cần có những chính sách hỗ trợ vay vốn, đồng hành cùng các hộ nông dân bằng những chính sách hỗ trợ cụ thể như cho vay vốn, giảm

thuế để giúp các mô hình nông dân làm du lịch tăng trưởng và phát triển bền vững lâu dài.

Tác động của đại dịch COVID-19 ít nhiều đã ảnh hưởng đến kết quả khảo sát mà nhóm đề tài thu thập dữ liệu đối với du khách du lịch ở Bến Tre. Nếu được khảo sát trong giai đoạn du lịch phục hồi như hiện nay, số lượng du khách sẽ lớn hơn, việc khảo sát nghiên cứu thị trường sẽ sâu rộng và chính xác hơn. Những thành quả mà đề tài đạt được nên cần được phát triển và mở rộng cũng như những hạn chế mà đề tài vấp phải cũng cần được hoàn thiện ở những đề tài tiếp theo nhằm phát huy tối đa hiệu quả nguồn lực đầu tư của tỉnh Bến Tre.